

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 10 - 4 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hồ Thị Lan và bà Nguyễn Thị Hương Linh

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lư Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Trần Mạnh Tiến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1963

Nơi cư trú: tổ G, khu E, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Đinh Chiến V, sinh năm 1962

Nơi cư trú: tổ I, khu F, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1967

Nơi cư trú: tổ I, khu F, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T (theo Hợp đồng ủy quyền công chứng số 2710 quyền số 04/2204TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/9/2024 của Văn phòng C)

- Ông Diêu Trọng T1, sinh năm: 1962; nơi cư trú: tổ D, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bà Bùi Mai A, sinh năm: 1965; nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2024, bản tự khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Do có quan hệ bạn bè thân thiết, tin tưởng lẫn nhau nên từ năm 2021 theo đề nghị của ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị Bích H đã nhiều lần cho ông V, bà T vay tiền để làm ăn. Cụ thể như sau:

- Ngày 23/9/2021 bà H cho ông V, bà T vay số tiền 500.000.000 đồng bằng tiền mặt, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng.

- Ngày 15/7/2022, bà H cho ông V, bà T vay số tiền 500.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà H đến tài khoản của ông V, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng.

- Ngày 19/9/2022, bà H cho ông V, bà T vay số tiền 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà H đến tài khoản của ông V, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng.

- Đến đầu năm 2023 ông V, bà T tiếp tục hỏi vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng do không còn tiền nên bà H đã đứng ra vay hộ ông V, bà T số tiền 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng. Tuy nhiên do ông V, bà T không trả nợ theo đúng cam kết nên bà H đã phải đứng ra trả nợ thay.

Tổng số tiền bà H đã cho ông V, bà T vay là 1.600.000.000 đồng. Từ năm 2021 đến tháng 11/2023 bà H đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà T phải trả nợ nhưng ông V, bà T chỉ trả được một phần tiền lãi, chưa trả nợ gốc.

Sau khi đối chiếu công nợ ngày 01/12/2023, bà H cùng ông V, bà T đã cùng lập Giấy vay tiền trong đó xác nhận số tiền bà H cho ông V, bà T vay là 1.600.000.000 đồng và cam kết sẽ trả nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày viết giấy và thời hạn trả nợ tiền gốc chậm nhất là ngày 05/4/2024. Lãi suất cho vay là 1%/tháng.

Tuy nhiên từ sau khi viết Giấy vay tiền ngày 01/12/2023 đến nay ông V, bà T vẫn không trả nợ cho bà H theo đúng thời hạn đã cam kết. Từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/10/2024, ông V, bà T mới chỉ trả cho bà H tổng số tiền là 474.000.000 đồng trong đó trả nợ lãi là 176.000.000 đồng; trả nợ gốc 298.000.000 đồng (bao gồm cả 100.000.000 đồng nợ gốc đã được bà H và ông V, bà T xác nhận tại Giấy xác nhận trả nợ và cam kết trả nợ ngày 18/5/2024).

Số tiền nợ gốc ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị T còn nợ bà H là 1.302.000.000 đồng.

Do ông V, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền gốc còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 01/12/2023 là 1.302.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 10/2024 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với lãi suất 1%/tháng.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T phải liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc còn lại là 1.302.000.000 đồng, đồng thời thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, cụ thể: bà H chỉ yêu cầu ông V, bà T phải liên đới trả tiền lãi tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 10/4/2025 là 226.000.000 đồng, được trừ đi số tiền lãi 176.000.000 đồng ông V, bà T đã trả, buộc ông V và bà T phải trả số tiền lãi còn lại là 50.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 11/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với lãi suất theo thỏa thuận trong Giấy vay tiền.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T phải liên đới phải trả cho bà H tính đến ngày 10/4/2025 là 1.352.000.000 đồng. Bà H không đồng ý việc gia hạn thời hạn trả nợ cho ông V, bà T và yêu cầu ông V, bà T thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ trong tháng 5/2025.

Bị đơn ông Đinh Chiến V và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T có lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa thể hiện:

Ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị Bích H tổng số tiền 1.600.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 01/12/2023, thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày viết giấy và thời hạn trả nợ tiền gốc chậm nhất là ngày 05/4/2024; lãi suất cho vay là 1%/tháng và xác nhận số tiền gốc ông V, bà T còn nợ bà H tính đến ngày 10/4/2025 là 1.302.000.000 đồng.

Về số tiền lãi tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 10/4/2025 bà H yêu cầu ông V, bà T phải trả là 50.000.000 đồng, tại phiên tòa ông V và người đại diện của bà T đồng ý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông V và bà T có quan điểm, đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích H tuy nhiên do việc kinh doanh của ông V, bà T không thuận lợi, ông V lại đang bị bệnh phải điều trị nên kinh tế của vợ chồng ông bà rất khó khăn. Ông V, bà T đề nghị bà H gia hạn thời hạn trả nợ đến tháng 10/2025. Do ông V thường xuyên phải ra nước ngoài chữa bệnh nên ông V và bà T thống nhất bà T sẽ là người đại diện thực hiện việc trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đã đảm bảo đúng quy định. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền nợ gốc 1.302.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000.000 đồng và buộc ông V, bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì áp dụng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2025) cho đến khi thi hành án xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị Tuyết H1 đang cư trú tại tổ I, khu F, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện quyền, nghĩa vụ, được nhận, thực hiện các thủ tục tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Như vậy về thẩm quyền giải quyết vụ án và trình tự tố tụng, được đảm bảo và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi yêu cầu bị đơn ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T phải trả tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/4/2025) là 226.000.000 đồng, được trừ đi số tiền lãi 176.000.000 đồng ông V, bà T đã trả, buộc ông V và bà T phải trả số tiền lãi còn lại là 50.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Việc giao kết hợp đồng vay tài sản và số tiền còn nợ:

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận bà Nguyễn Thị Bích H đã cho ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T vay tổng số tiền là 1.600.000.000 đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 01/12/2023. Giấy vay tiền này được bà Nguyễn Thị Bích H và ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T tự nguyện ký kết theo sự thỏa thuận, phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến gì đối với Giấy vay tiền đã ký. Do đó Giấy vay tiền đề ngày 01/12/2023 là hợp pháp đã có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ với các bên. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận trong Giấy vay tiền.

Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận số tiền gốc ông V, bà T còn nợ bà H tính đến ngày 10/4/2025 là 1.302.000.000 đồng.

Do đó đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.2.1] Đối với yêu cầu buộc ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T phải liên đới trả số tiền nợ gốc là 1.302.000.000 đồng:

Xét thấy: Theo thỏa thuận trong Giấy vay tiền ngày 01/12/2023 thì ông V, bà T cam kết sẽ trả nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày viết giấy (01/12/2023) và thời hạn trả nợ tiền gốc chậm nhất là ngày 05/4/2024. Tuy nhiên ông V, bà T không thực hiện việc trả nợ theo đúng thỏa thuận mà mới chỉ trả cho bà H 298.000.000 đồng tiền nợ gốc và 176.000.000 đồng tiền lãi. Việc ông V, bà T không trả nợ cho bà H theo đúng thời hạn thỏa thuận trong Giấy vay tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với quan điểm của bị đơn đề nghị được gia hạn thời hạn trả nợ đến tháng 10/2025 tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý với đề nghị này của bị đơn, trong Giấy vay tiền cũng không có thỏa thuận về việc gia hạn thời hạn trả nợ nên không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ trên Giấy vay tiền ngày 01/12/2023 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Do ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị T là vợ chồng, giao dịch vay tiền là do ông V, bà T cùng thỏa thuận xác lập, cùng ký tên trên Giấy vay tiền. Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần buộc bị đơn ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị T phải liên đới trả lại nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H số tiền nợ gốc là 1.302.000.000 đồng.

[3.2.2] Đối với yêu cầu buộc ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T phải liên đới trả tiền lãi còn lại tính đến ngày 10/4/2024 là 50.000.000 đồng:

Theo Giấy vay tiền ngày 01/12/2023 thì bà H và ông V, bà T thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng. Như vậy hợp đồng vay tiền giữa bà H và ông V, bà T là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận 1%/tháng đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự do đó thỏa thuận về xác định lãi suất giữa bà H và ông V, bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Tại phiên tòa bà H có quan điểm chỉ yêu cầu ông V, bà T phải trả tiền lãi tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 10/4/2025 là 226.000.000 đồng, được trừ đi số tiền lãi 176.000.000 đồng ông V, bà T đã trả, ông V và bà T còn phải trả số tiền lãi là 50.000.000 đồng, ông V và người đại diện theo ủy quyền của bà T cũng đồng ý với số tiền lãi trên.

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, xét thấy yêu cầu trên không vượt quá lãi suất, tiền lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H về việc buộc ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T phải liên đới trả số tiền lãi 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đồng thời cần buộc ông Đinh Chiến V, bà Lê Thị T phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì áp dụng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2025) cho đến khi thi hành án xong.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 280, 274, 275, 276, 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H

1. Ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích H tổng số tiền còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 01/12/2023 tính đến ngày 10/4/2025 là 1.352.000.000đ (*một tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu đồng*); trong đó: tiền nợ gốc là 1.302.000.000đ (*một tỷ, ba trăm lẻ hai triệu đồng*); tiền nợ lãi là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông V, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì áp dụng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Đinh Chiến V và bà Lê Thị T phải liên đới nộp 52.560.000đ (*năm mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hương